

**TÒA ÁN ND Q.LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/DS - ST

Ngày: 28-3-2025

*“V/v Tranh chấp xác định quyền sở hữu tài sản của
Người phải thi hành án trong khối tài sản chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Thi Thi

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Sỹ

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 212/2024/TLST-DS ngày 22/10/2024 về việc *“Tranh chấp xác định quyền sở hữu tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2025/QĐXXST – DS ngày 18 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST - DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Quang A, sinh năm 1977; Địa chỉ: K Đ, phường T, quận T, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phan H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số A đường H, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt lần 02.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số A đường H, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt lần 02;

2/ Ngân hàng TMCP S (S1); Trụ sở: 19-21-23-25 N, phường B, Quận A, TP Hồ Chí Minh; Địa chỉ chi nhánh S2, Đà Nẵng: 28-30 N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hữu H1 – PGĐ Ngân hàng TMCP S (S1) chi nhánh S2. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Quang A trình bày:***

Vào năm 2019, giữa ông Lê Quang A và ông Phan H có tranh chấp khoản tiền 166.000.000đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng) do Công ty D tiền hứa thưởng. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DSST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu và Bản án dân sự phúc thẩm số 12/2024/DSPT ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tuyên buộc ông Phan H phải thanh toán cho ông Lê Quang A số tiền 166.000.000đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Sau đó, ông A có yêu cầu thi hành án và được Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu ra Quyết định thi hành án số 549/QĐ-CCTHADS ngày 28/01/2024. Tuy nhiên, ông H vẫn không tự nguyện thi hành án. Qua xác minh của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu thì ông Phan H có sở hữu và sử dụng tài sản chung với bà Đỗ Thị K tại thửa đất số 312, tờ bản đồ số KT04/4, diện tích 69,75m² ở địa chỉ 11 H, phường H, quận L, TP Đà Nẵng theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số X 426341 do U cấp ngày 29/12/2003, đăng ký biến động sang tên cho ông H, bà K ngày 31/5/2017. Đến ngày 07/5/2024, Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu đã ra Thông báo số: 711/TB-CCTHADS về việc thông báo cho ông H, bà K có quyền phân chia tài sản chung hoặc khởi kiện đề nghị Tòa án phân chia các tài sản chung nói trên nhưng ông H, bà K không thực hiện. Vì vậy, ngày 11/6/2024 Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu đã ra Thông báo số: 1032/TB-CCTHADS về việc thông báo cho ông A có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản nêu trên của ông Phan H trong khối tài sản chung với bà Đỗ Thị K để thi hành án.

Nay ông Lê Quang A khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của người phải thi hành án ông Phan H trong khối tài sản chung với bà Đỗ Thị K là thửa đất số 312, tờ bản đồ số KT04/4, diện tích 69,75m² ở địa chỉ 11 H, phường H, quận L, TP Đà Nẵng theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số X 426341 do U cấp ngày 29/12/2003, đăng ký biến động sang tên cho ông H, bà K ngày 31/5/2017 và phần quyền sở hữu tài sản đối với tài sản trên của ông Phan H để thi hành án.

**** Bị đơn - Ông Phan H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Bà Đỗ Thị K mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng***

cứ và hòa giải; Các Thông báo/Quyết định về việc thực hiện thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá đối với tài sản tranh chấp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có mặt tại phiên họp và hòa giải cũng như tại các phiên tòa xét xử.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP S (S1) trình bày ý kiến:**

Ông Phan H (CMND số 206119539 cấp ngày 30/12/2013 nơi cấp Công An Q) và Bà Đỗ Thị K (CMND số 205044445 cấp ngày 01/10/2021 nơi cấp C1) có vay vốn tại Ngân Hàng TMCP S Chi Nhánh S2 theo Thỏa thuận cho vay trung dài hạn số 220180586/TTCV ký ngày 26/4/2018, số tiền vay là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng)

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 312, tờ bản đồ số KT04/4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X426341; sổ vào sổ cấp GCN: 12015 do UBND Thành phố U cấp ngày 29/12/2003; Địa chỉ: Số A đường H, Phường H, Quận L, Thành phố Đà Nẵng. Tài sản nêu trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 220180586/HĐTC ký ngày 26/04/2018 giữa S1 với ông Phan H và bà Đỗ Thị K, được Văn phòng C2 chứng nhận ngày 26/04/2018, được Văn phòng đăng ký đất đai tại Quận L chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 26/04/2018. Dư nợ hiện tại tạm tính đến ngày 27/3/2025 của vợ chồng ông H, bà K là 1.071.000.000đ (Một tỷ bảy mươi một triệu đồng), trong đó dư nợ gốc là 762.000.000đ và lãi là 309.000.000đ. Khoản nợ của ông H, bà K đã thuộc nợ nhóm 5 nên Ngân hàng cũng đang tiến hành làm thủ tục khởi kiện theo quy định. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông A thì Ngân hàng không có ý kiến gì, đề nghị HĐXX giải quyết theo đúng quy định, ưu tiên xử lý khoản nợ có bảo đảm của Ngân hàng.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật. Riêng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị K chưa chấp hành theo đúng quy định của pháp luật, qua đó đề nghị Hội đồng xét xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang A, xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của người phải thi hành án ông Phan H trong khối tài sản chung với bà Đỗ Thị K là $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất số 312, tờ bản đồ số KT04/4, diện tích 69,75m² ở địa chỉ 11 H, phường H, quận L, TP Đà Nẵng theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số X 426341 do U cấp ngày 29/12/2003, đăng ký biến động sang tên cho ông H, bà K ngày 31/5/2017 tương đương

với số tiền 1.513.575.000 đồng và ½ quyền sở hữu căn nhà 03 tầng trên đất (không xác định giá trị) để thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Phan H có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại A H, phường H, quận L, TP Đà Nẵng; Do đó vụ án tranh chấp giữa ông Lê Quang A và ông Phan H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các Thông báo/Quyết định về việc thực hiện thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá đối với tài sản tranh chấp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn - Ông Phan H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Bà Đỗ Thị K nhưng các đương sự này vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có mặt tại phiên họp, phiên hòa giải cũng như tại các phiên tòa xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang A, HĐXX thấy rằng:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DSST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu và Bản án dân sự phúc thẩm số 12/2024/DSPT ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tuyên buộc ông Phan H phải thanh toán cho ông Lê Quang A số tiền 166.000.000đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Sau đó, ông A có yêu cầu thi hành án và được Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu ra Quyết định thi hành án số 549/QĐ-CCTHADS ngày 28/01/2024. Tuy nhiên, ông H vẫn không tự nguyện thi hành án.

Theo Thông báo số: 711/TB-CCTHADS ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu thông báo cho ông H, bà K có quyền phân chia tài sản chung hoặc khởi kiện đề nghị Tòa án phân chia các tài sản chung nói trên nhưng ông H, bà K không thực hiện. Đến ngày 11/6/2024 Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu đã ra Thông báo số: 1032/TB-CCTHADS thông báo cho ông A có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản nêu trên của ông Phan H trong khối tài sản chung với bà Đỗ Thị K để thi hành án.

Do đó việc ông Lê Quang A khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của người phải thi hành án ông Phan H trong khối tài sản chung với bà Đỗ Thị K là thửa đất số 312, tờ bản đồ số KT04/4, diện tích 69,75m² ở địa chỉ 11 H, phường H, quận L, TP Đà Nẵng theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số X 426341 do U cấp ngày 29/12/2003, đăng ký biến động sang tên cho ông H, bà K ngày 31/5/2017, để thi hành án là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về việc xác định quan hệ của ông Phan H, bà Đỗ Thị K:

Tại biên bản xác minh tại tổ trưởng cho biết: “*Ông Phan Hải C và bà Đỗ Thị K đang cư trú tại nhà đất ở địa chỉ A H, phường H, quận L, TP Đà Nẵng*”. Mặt khác theo Giấy đăng ký kết hôn số 63/2003 do UBND xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam cấp thì ông H, bà K đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2003. Như vậy, có căn cứ để xác định ông H, bà K là vợ chồng và đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

[2.3] Đối với tài sản chung của ông Phan H, bà Đỗ Thị K:

Ngày 09/01/2025, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định trên thửa đất số 312, tờ bản đồ số KT04/4, diện tích 69,75m² ở địa chỉ 11 H, phường H, quận L, TP Đà Nẵng có các tài sản là căn nhà 03 tầng, kết cấu khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây, mái tôn, nền gạch men. Hệ thống điện nước âm tường. Cầu thang đúc bê tông cốt thép, bậc thang ốp đá gạch granite, lan can kính, tay vịn gỗ, cửa chính là cửa sắt kéo.

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 220180586/HĐTC ký ngày 26/04/2018 giữa S1 với ông Phan H và bà Đỗ Thị K, được Văn phòng C2 chứng nhận ngày 26/04/2018, được Văn phòng đăng ký đất đai tại Quận L chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 26/04/2018 do Ngân hàng TMCP S cung cấp bản sao cho Tòa án thể hiện nội dung ông H, bà K đã thế chấp các tài sản là quyền sử dụng trên thửa đất này để vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng là ông H, bà K không có ý kiến gì đối với tài sản của mình, cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án thể hiện nhà đất nói trên là tài sản riêng của bà K (hay một ai khác). Do đó, Hội đồng xét xử xác định toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 312, tờ bản đồ số KT04/4, diện tích 69,75m² ở địa chỉ 11 H, phường H, quận L, TP Đà Nẵng là tài sản chung của ông H, bà K.

[2.3] Đối với phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của ông Phan H trong khối tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà K không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ, chứng minh cho phần công sức đóng góp của mình trong khối tài sản

chung là quyền sở hữu, quyền sử dụng đất tại thửa đất số 312, tờ bản đồ số KT04/4, diện tích 69,75m² và căn nhà 03 tầng trên diện tích đất này ở địa chỉ A H, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Các tài sản này đều hình thành trong thời kỳ hôn nhân và cùng đứng tên của ông bà. Như vậy, có căn cứ để xác định đây là tài sản chung hợp nhất của ông Phan H và bà Đỗ Thị K.

Tại chứng thư thẩm định giá số 159/2025/033/CT.VNA ngày 21/01/2025 của Công ty CP Đ xác định giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên là 3.027.150.000đ (Ba tỷ không trăm hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi ngàn đồng), không thẩm định giá giá trị của ngôi nhà trên đất vì lý do ông H, bà K không hợp tác để thực hiện việc thẩm định giá.

Đồng thời tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Quang A chỉ đề nghị thẩm định giá đối với quyền sử dụng đất, không thẩm định giá đối với nhà trên đất.

Tại Điều 217 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Các chủ sở hữu chung hợp nhất có quyền, nghĩa vụ ngang nhau đối với tài sản thuộc sở hữu chung*”.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định giữa ông H, bà K mỗi người có ½ quyền sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 312, tờ bản đồ số KT04/4, diện tích 69,75m², theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số X 426341 do U cấp ngày 29/12/2003, đăng ký biến động sang tên cho ông H, bà K ngày 31/5/2017, tương đương với số tiền 1.513.575.000 đồng (Một tỷ năm trăm mười ba triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) và ½ quyền sở hữu căn nhà 03 tầng, kết cấu khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây, mái tôn, nền gạch men,

cầu thang đúc bê tông cốt thép, bậc thang ốp đá gạch granite, lan can kính, tay vịn gỗ, cửa chính là cửa sắt kéo... trên diện tích đất này (không xác định giá trị tài sản đối với căn nhà này).

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ và chi phí thẩm định giá tài sản 18.400.000đ, nguyên đơn ông Lê Quang A đã tạm nộp. Do yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận nên cần buộc bị đơn ông Phan H phải thanh toán chi phí này cho ông Lê Quang A là phù hợp với quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn Phan H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của

Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 6, Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 207, 208, 210, 211, 220, 227, 228, 262 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 217, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang A về việc “*Tranh chấp xác định quyền sở hữu tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung*” đối với bị đơn ông Phan H.

Xác định tài sản là quyền sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 312, tờ bản đồ số KT04/4, diện tích 69,75m², theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số X 426341 do U cấp ngày 29/12/2003, đăng ký biến động sang tên cho ông H, bà K ngày 31/5/2017 và quyền sở hữu căn nhà 03 tầng, kết cấu khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây, mái tôn, nền gạch men, cầu thang đúc bê tông cốt thép, bậc thang ốp đá gạch granite, lan can kính, tay vịn gỗ, cửa chính là cửa sắt kéo... trên diện tích đất này thuộc tài sản chung của ông Phan H và bà Đỗ Thị K; trong đó phần sở hữu, sử dụng của ông Phan H là ½ giá trị nhà đất để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự, tương đương với số tiền 1.513.575.000 đồng (Một tỷ năm trăm mười ba triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) đối với quyền sử dụng đất (không xác định giá trị nhà trên đất).

2. *Về chi phí tố tụng:* Buộc ông Phan H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Quang A số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng) chi phí thẩm định giá tài sản.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền phải thi hành án, thì người phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. *Về án phí:* Buộc ông Phan H phải chịu 300.000đ tiền án dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Quang A 4.150.000đ (Bốn triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008956 ngày 18.10.2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nguyễn Thi Thi

